TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2024/**DSST
Ngày: 29/01/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng Sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Đồng Trưng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Dung
2. Ông Nguyễn Ngọc Hấn
- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Lê Thị Thảo-** Thư ký Tòa án
***-** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà:*
Bà **Phan Thị Hạnh Ngân** -Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 148/2023/TLST- KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 09/1/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S

Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty SBA)

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Ngọc Tuấn - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Ông Lê Ngọc Tuấn ủy quyền cho: Ông Nguyễn Thanh Hải - Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S - Ông Hải có mặt tại phiên tòa

(Theo Giấy uỷ quyền số 1419/2023/UQ-TGĐ ngày 18/5/2023)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V.A, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Số 6, xóm H, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/06/2016, Bà V.A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Anh, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà V.A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 70,234,869 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Anh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 55,272,500 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà V.A sử dụng thẻ từ tháng 7/2016 đến tháng 04/2018 và có thanh toán cho Ngân hàng nhưng đến kỳ thanh toán ngày 31/5/2018 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng bà V.A vẫn không có thiện chí trả nợ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Anh vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà Anh vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/07/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 45.727.423 đồng sang nợ quá hạn gọi là dư nợ gốc (Điều 13; Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Cụ thể như sau: Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 45.727.423 đồn. Lãi quá hạn là 3.225%/tháng (150% lãi suất trong hạn) - Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 4/7/2011 của Ngân hàng S – Trung tâm thẻ

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà V.A có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà Anh vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây :

1. Buộc bị đơn phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2023 là **133.226.883 đồng** trong đó:

- Dư nợ gốc: 45.727.423 đồng
- Lãi quá hạn: 87.499.460 đồng

2. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị V.A đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để bà V.A biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập bà V.A đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, bà V.A không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để viết bản tự khai, không gửi văn bản

trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và do Tòa án thu thập theo quy định của Điều 97 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà V.A phải trả tổng số tiền tính đến ngày 29/1/2024 là **145.958.546 đồng** (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 45.727.423 đồng

+ Lãi quá hạn: 100.231.123 đồng.

Bà Nguyễn Thị V.A vắng mặt tại phiên tòa

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo, quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2 bị đơn bà V.A vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền: Xét thấy: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi giải quyết tranh chấp theo nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú của bị đơn bà Nguyễn Thị V.A tại địa chỉ Số 6, xóm H, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Nguyễn Thị V.A yêu cầu Tòa án tuyên bà V.A phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị V.A tại địa chỉ Số 6, xóm H, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh Công an phường T cung cấp cho Tòa án biết bà V.A có đăng ký khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không sinh sống tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ mà không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn và cơ quan, người có thẩm quyền là thuộc trường hợp "cố tình giấu địa chỉ" .

Tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung"* .

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, theo kết quả xác minh tại Công an phường T xác định địa chỉ Số 6, xóm H, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội là địa chỉ cư trú cuối cùng của bà V.A theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hộ đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Bị đơn bà V.A không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo, quyết định của Tòa án yêu cầu bà V.A đến Tòa án làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập đương sự nhưng bà V.A vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và do Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 14h00 ngày 09/01/2023 nhưng bị đơn bà V.A vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vụ án vào hồi 14h00' ngày 29/01/2024. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà V.A vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà V.A là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng: Ngày 14/06/2016, bà V.A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gọi tắt là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà V.A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 486265 - 2446 với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hai bên ký hợp đồng tự nguyện, người ký kết là người có thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo pháp luật. Do vậy, xác định Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như cam kết.

[2.2] Về việc thực hiện Hợp đồng: Theo các tài liệu do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà V.A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 70.234.869 đồng. Tính đến ngày chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 1/7/2018, tổng số tiền bà V.A thanh toán cho ngân hàng là 55.272.500 đồng bao gồm: Phí trễ hạn là 4.640.689 đồng, lãi trong hạn là 24.095.365 đồng, phí vượt hạn mức 650.000 đồng, các phí khác 1.379.000 đồng và một phần giao dịch là 24.507.446 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn nợ lại là 45.727.423 đồng.

[3]. Xét cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Số tiền nợ gốc: Như đã nhận định ở trên, số tiền gốc bà V.A còn nợ lại là 45.727.423 đồng . Tại Điều 20 điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng các bên thống nhất: Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau. Ngày 01/7/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà V.A và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó, có cơ sở xác định số tiền nợ gốc bà V.A còn nợ Ngân hàng là 45.727.423 đồng .

[3.2]. Về số tiền lãi: Theo thỏa thuận giữa các bên: Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 3.225%/tháng (150% lãi suất trong hạn là 2,15%). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/7/2018 đến ngày 29/1/2024 là 2.039 ngày. Lãi suất ngày: (nợ gốc x lãi suất thẻ x 150%)/30 = 49.157 đồng. Số tiền nợ lãi quá hạn: 49.157 đồng x 2039 ngày =100.231.123 đồng.

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên tại thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng, có cơ xác nhận số tiền lãi bà V.A phải trả cho đến ngày 29/01/2024 theo cách tính lãi của Ngân hàng là 100.231.123 đồng.

Từ những nhận định ở trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị V.A phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 29/1/2024 là **145.958.546 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng)* trong đó: Nợ gốc: 45.727.423 đồng; Lãi quá hạn: 100.231.123 đồng.

Ngoài số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/01/2024 như trên, bà V.A còn phải trả tiền lãi tính từ ngày 30/1/2024 đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng.

Về án phí: Buộc bà V.A phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 180; khoản 2 Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 429; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 90; Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. - Điều 2; Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị V.A.

- Buộc bà Nguyễn Thị V.A phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/1/2024 là: **145.958.546 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng)* trong đó: Nợ gốc: 45.727.423 đồng; Lãi quá hạn: 100.231.123 đồng.

- Ngoài số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/01/2024 như trên, bà V.A còn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 30/1/2024 đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị V.A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.297.927 đồng *(Bảy triệu, hai trăm chín bảy nghìn, chín trăm hai bảy đồng).*

+ Trả lại Ngân hàng TMCP S 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006104 ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị V.A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND cùng cấp
- Cơ quan THA dân sự
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Phạm Đồng Trưng

10.001.227đ; Lãi quá hạn là 7.375.186đ và tiếp tục phải trả tiền lãi quá hạn kể từ ngày 10/10/2019 của số nợ gốc còn phải trả theo lãi suất các bên đã thỏa thuận đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

Về án phí: Buộc bà Ngô Thị Huyền Quyên phải chịu 868.821đ tiền án phí DSST. Trả lại Ngân hàng TMCP S 340.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AK/2010/0008386 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**